

Số: 123/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (Đợt 1)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (Đợt 1) cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo các biểu chi tiết kèm theo Quyết định.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện phân khai kinh phí theo đúng mục đích, chế độ, chính sách hiện hành. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và quyết toán ngân sách theo đúng quy định của luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Quyết định này thay thế quyết định số 25/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC7.

Người ký: Lê Thị Phương



Nguyễn Thị Thúy

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1043487-422-340-341- 864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)
Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	
- Học phí	
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	60.469
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	60.882
1.1 Chi quản lý hành chính	11.640
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	11.281
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	359
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	359
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	48.857
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	48.857
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	8.164
- Khen thưởng toàn ngành	7.504
- Hoạt động chuyên môn	19.406
+ Nhiệm vụ Giáo dục thường xuyên	301

NỘI DUNG	Tổng số
+ <i>Nhiệm vụ Giáo dục Mầm non</i>	<i>1.123</i>
+ <i>Nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học</i>	<i>683</i>
+ <i>Nhiệm vụ Giáo dục Trung học</i>	<i>2.155</i>
+ <i>Nhiệm vụ Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng</i>	<i>8.733</i>
+ <i>Nhiệm vụ Thanh tra</i>	<i>888</i>
+ <i>Nhiệm vụ Văn phòng</i>	<i>5.332</i>
+ <i>Nhiệm vụ Kế hoạch, Tài chính</i>	<i>191</i>
- Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	1.943
- Hội khoẻ Phù đồng	10.977
- Tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới	775
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	88
1.3 Chi đảm bảo xã hội	385
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025	46
- Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)	251
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)	88
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	413

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Bạch Đằng
Mã số DV- C-L-K-NVC: 1038641-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.249
- Học phí	3.249
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	3.249
- Học phí	3.249
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	11.371
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	11.589
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	11.589
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	10.903
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	686
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	94
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	280
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	312
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	218

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Bãi Cháy
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038107-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.834
- Học phí	3.834
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	3.834
- Học phí	3.834
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	12.323
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	12.556
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>12.556</i>
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>11.686</i>
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>870</i>
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	148
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	394
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	328
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	233

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cẩm Phả
Mã số DV- C-L-K-NVC: 1042607-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	4.141
- Học phí	4.141
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	4.141
- Học phí	4.141
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	13.734
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	13.996
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	13.996
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	13.118
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	878
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	168
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	354
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	356
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	262

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cửa Ông
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1066417-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.778
- Học phí	1.778
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.778
- Học phí	1.778
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	6.545
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	6.658
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	6.658
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	5.647
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	1.011
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	691
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	150
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	113

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đông Thành
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1060738-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.165
- Học phí	2.165
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.165
- Học phí	2.165
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	8.526
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	8.689
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	8.689
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	8.180
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	509
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	40
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	254
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	215
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	163

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đông Triều
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038344-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2815

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.295
- Học phí	3.295
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	3.295
- Học phí	3.295
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	10.256
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	10.454
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	10.454
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	9.903
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	551
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	73
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	186
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	292
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	198

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1045572-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2815

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.392
- Học phí	2.392
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.392
- Học phí	2.392
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	7.827
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	7.980
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	7.980
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	7.671
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	309
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	48
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	46
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	215
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	153

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàng Quốc Việt
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1070908 -422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2815

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.112
- Học phí	3.112
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	3.112
- Học phí	3.112
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	10.067
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	10.263
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	10.263
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	9.812
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	451
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	53
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	127
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	271
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	196

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ
Mã số DV- C-L-K-NVC: 1040533-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2812

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.118
- Học phí	2.118
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.118
- Học phí	2.118
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	6.887
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	7.019
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	7.019
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	6.608
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	411
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	115
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	98
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	198
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	132

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hoàn Bò
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040497-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.710
- Học phí	2.710
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.710
- Học phí	2.710
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	8.687
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	8.849
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	8.849
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	8.135
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	714
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	251
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	220
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	243
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	162

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hòa Gai
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1041244-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)
Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	5.297
- Học phí	5.297
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	5.297
- Học phí	5.297
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	17.157
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	17.477
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	17.477
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	16.036
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.441
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	134
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	418
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	454

NỘI DUNG	Tổng số
Thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)- Tập huấn đội tuyển học sinh giỏi môn tiếng Pháp	435
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	320

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lê Chân
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1045327-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2815

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.760
- Học phí	1.760
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.760
- Học phí	1.760
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	9.035
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	9.207
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	9.207
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	8.647
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	560
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	75
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	215
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	270
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	172

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lê Hồng Phong
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1066411-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.813
- Học phí	1.813
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.813
- Học phí	1.813
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	6.117
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	6.232
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	6.232
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	5.786
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	446
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	20
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	256
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	115

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lê Quý Đôn
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038245-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.173
- Học phí	2.173
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.173
- Học phí	2.173
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	8.567
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	8.718
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	8.718
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	7.585
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	1.133
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	698
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	237
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	198
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	151

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Lý Thường Kiệt
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1066580-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2818

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.185
- Học phí	1.185
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.185
- Học phí	1.185
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	6.336
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	6.458
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	6.458
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	6.128
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	330
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	51
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	84
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	195
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	122

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Minh Hà

Mã số DV- C-L-K-NVC: 1066421-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.094
- Học phí	2.094
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	2.094
- Học phí	2.094
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	11.135
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	11.351
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>11.351</i>
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>10.801</i>
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>550</i>
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	56
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	150
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	344
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	216

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Mông Dương
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1061952-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.769
- Học phí	1.769
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (Sau khi trích nguồn CCTL)	1.769
- Học phí	1.769
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	6.085
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	6.189
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	6.189
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	5.198
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	991
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	709
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	112
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	104

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ngô Quyền
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038341-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.714
- Học phí	2.714
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	2.714
- Học phí	2.714
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	8.572
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	8.729
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	8.729
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	7.886
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	843
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	167
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	433
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	243
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	157

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1007434-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	893
- Học phí	893
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	536
- Học phí	536
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	19.267
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	19.476
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	19.476
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	10.521
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	8.955
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	893
- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	6.893
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	198
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ	971
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	209

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông chuyên Hạ Long
Mã số DV- C-L-K-NVC: 1038346-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.718
- Học phí	3.718
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	3.718
- Học phí	3.718
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	39.654
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	40.156
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	40.156
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	25.113
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	15.043
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	46
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	543
Thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)	14.454
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	502

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Trần Phú
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040581-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2818

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.914
- Học phí	3.914
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	3.914
- Học phí	3.914
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	12.810
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	13.039
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	13.039
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>11.486</i>
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>1.553</i>
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	956
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	261
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	336
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	229

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ưông Bí
Mã số DV- C-L-K-NVC: 1008146-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2812

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.875
- Học phí	3.875
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	3.875
- Học phí	3.875
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	12.189
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	12.423
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	12.423
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	11.706
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	717
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	113
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	276
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	328
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	234

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Vũ Văn Hiến
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040548-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.147
- Học phí	2.147
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	2.147
- Học phí	2.147
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	6.914
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	7.047
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	7.047
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	6.672
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	375
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	57
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	120
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	198
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	133

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên Tỉnh

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1040632-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	3.636
- Học phí	2.436
- Thu khác	1.200
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	3.636
- Học phí	2.436
- Thu khác	1.200
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	4.616
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	4.705
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	4.705
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	4.475
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	230
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	12
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	28
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	190
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	89

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Đàm Hà
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1064535-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2825

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	890
- Học phí	890
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	534
- Học phí	534
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	10.711
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	10.914
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	10.914
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	10.236
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	678
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	280
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	88
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	310
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	203

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đường Hoa Cường

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1021834-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2821

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.030
- Học phí	1.030
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	1.030
- Học phí	1.030
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	7.539
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	7.665
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	7.665
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	6.335
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	1.330
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.086
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	44
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	200
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	126

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Hải Đông

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1032557-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	563
- Học phí	563
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	338
- Học phí	338
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	7.886
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	8.032
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	8.032
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	7.373
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	659
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	281
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	105
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	273
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	146

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Quảng Hà
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1046356-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2821

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.921
- Học phí	1.921
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	1.921
- Học phí	1.921
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	9.105
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	9.276
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	9.276
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	8.559
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	717
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	418
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	48
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	251
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	171

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Tiên Yên
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1060777-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.255
- Học phí	1.255
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	1.255
- Học phí	1.255
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	8.235
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	8.374
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	8.374
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	6.987
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	1.387
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.156
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	45
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	186
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	139

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học
phổ thông Tiên Yên
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1038181-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	592
- Học phí	592
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	355
- Học phí	355
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	19.480
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	19.650
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	19.650
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	8.543
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	11.107
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	592
- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	9.369
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	214
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/22022 của Chính phủ	932
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	170

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Ba Chẽ
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1042611-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2816

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	1.160
- Học phí	1.160
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	1.160
- Học phí	1.160
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	8.267
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	8.400
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	8.400
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	6.361
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	2.039
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	1.824
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	45
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	170
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	133

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Bình Liêu
Mã số DV- C-L-K-NVC: 1038352-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2819

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	490
- Học phí	490
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	294
- Học phí	294
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	8.996
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	9.159
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	9.159
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	7.804
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	1.355
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	984
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	161
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	210
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	163

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Cô Tô
Mã số DV- C-L-K-NVC: 1061364-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2823

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	482
- Học phí	482
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	289
- Học phí	289
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	6.195
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	6.319
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	6.319
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	5.970
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	349
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	172
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	35
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	142
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	124

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Hoàn Mỹ

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1083045-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2819

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	518
- Học phí	518
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	311
- Học phí	311
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	11.421
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	11.609
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	11.609
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	9.029
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	2.580
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	2.073
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	229
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	278
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	188

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quan Lạn

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1032556-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2822

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	620
- Học phí	620
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	372
- Học phí	372
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	7.713
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	7.858
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	7.858
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	7.313
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	545
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	326
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	25
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	194
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	145

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quảng La

Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1032463-422-070-074-864

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	455
- Học phí	455
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	273
- Học phí	273
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	7.920
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	8.068
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	8.068
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	7.474
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	594
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	226
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	126
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	242
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	148

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Hải Đảo
Mã số ĐV- C-L-K-NVC: 1041365-422-070-074-864
Mã KBNN nơi giao dịch: 2822

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	2.091
- Học phí	2.091
- Thu khác	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại (sau khi trích nguồn CCTL)	2.091
- Học phí	2.091
- Thu khác	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	12.390
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước giao	12.614
<i>1.1 Chi quản lý hành chính</i>	
<i>1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>12.614</i>
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>11.247</i>
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>1.367</i>
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	886
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	160
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	321
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	224

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 (Đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-SGDĐT ngày 19/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số	Cơ quan sở Giáo dục	Trường THPT Bạch Đằng	Trường THPT Bãi Cháy	Trường THPT Cầm Phả	Trường THPT Cửa Ổng	Trường THPT Đông Thành	Trường THPT Đông Triều	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Trường THPT Hoàng Quốc Việt
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí										
1. Số thu phí, lệ phí	77.849	0	3.249	3.834	4.141	1.778	2.165	3.295	2.392	3.112
- Học phí	76.649		3.249	3.834	4.141	1.778	2.165	3.295	2.392	3.112
- Thu khác	1.200									
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại(Sau khi trích nguồn CCTL)	75.648	0	3.249	3.834	4.141	1.778	2.165	3.295	2.392	3.112
- Học phí	74.448		3.249	3.834	4.141	1.778	2.165	3.295	2.392	3.112
- Thu khác	1.200									
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN										
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	451.004	60.469	11.371	12.323	13.734	6.545	8.526	10.256	7.827	10.067
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	458.080	60.882	11.589	12.556	13.996	6.658	8.689	10.454	7.980	10.263
1.1 Chi quản lý hành chính	11.640	11.640								
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	11.281	11.281								
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	359	359								

NỘI DUNG	Tổng số	Cơ quan sở Giáo dục	Trường THPT Bạch Đằng	Trường THPT Bãi Cháy	Trường THPT Cẩm Phả	Trường THPT Cửa Ông	Trường THPT Đông Thành	Trường THPT Đông Triều	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Trường THPT Hoàng Quốc Việt
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	359	359								
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	446.055	48.857	11.589	12.556	13.996	6.658	8.689	10.454	7.980	10.263
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	332.934		10.903	11.686	13.118	5.647	8.180	9.903	7.671	9.812
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	113.121	48.857	686	870	878	1.011	509	551	309	451
- Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú	24.136	8.164	94	148	168	691	40	73	48	53
- Chế độ học sinh dân tộc nội trú, hỗ trợ nhà giáo theo VBHN số 27/VBHN-BGDĐT	16.262									
- Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	5.810		280	394	354	150	254	186	46	127
- Khen thưởng toàn ngành	7.504	7.504								
- Hoạt động chuyên môn	19.406	19.406								
+ <i>Nhiệm vụ Giáo dục thường xuyên</i>	301	301								
+ <i>Nhiệm vụ Giáo dục Mầm non</i>	1.123	1.123								
+ <i>Nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học</i>	683	683								
+ <i>Nhiệm vụ Giáo dục Trung học</i>	2.155	2.155								
+ <i>Nhiệm vụ Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng</i>	8.733	8.733								
+ <i>Nhiệm vụ Thanh tra</i>	888	888								
+ <i>Nhiệm vụ Văn phòng</i>	5.332	5.332								

[illegible]

NỘI DUNG	Tổng số	Cơ quan sở Giáo dục	Trường THPT Bạch Đằng	Trường THPT Bãi Cháy	Trường THPT Cầm Phả	Trường THPT Cửa Ông	Trường THPT Đông Thành	Trường THPT Đông Triều	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Trường THPT Hoàng Quốc Việt
1.3 Chi đảm bảo xã hội	385	385								
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025	46	46								
- Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)	251	251								
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)	88	88								
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	7.076	413	218	233	262	113	163	198	153	196

[illegible]

[illegible]

[illegible]

NỘI DUNG	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	Trường THPT Hoành Bồ	Trường THPT Hòn Gai	Trường THPT Lê Chân	Trường THPT Lê Hong Phong	Trường THPT Lê Quý Đôn	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Trường THPT Minh Hà	Trường THPT Mông Dương	Trường THPT Ngô Quyên
1.3 Chi đảm bảo xã hội										
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025										
- Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)										
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)										
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	132	162	320	172	115	151	122	216	104	157

[illegible]

[illegible]

NỘI DUNG	Trường PTDTNT THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Trường THPT Trần Phú	Trường THPT Uông Bí	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	Trung tâm HN&G DTX tỉnh	Trường THPT Đầm Hà	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cường	Trường THCS & THPT Hải Đông	Trường THPT Quảng Hà
1.3 Chi đảm bảo xã hội										
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025										
- Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)										
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)										
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	209	502	229	234	133	89	203	126	146	171

[illegible]

NỘI DUNG	Trường THPT Tiên Yên	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên	Trường THPT Ba Chẽ	Trường THPT Bình Liêu	Trường THPT Cô Tô	Trường THCS & THPT Hoành Mô	Trường THCS & THPT Quan Lạn	Trường THCS & THPT Quảng La	Trường THPT Hải Đảo
+ <i>Nhiệm vụ Kế hoạch, Tài chính</i>									
- Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia									
- Hội khoẻ Phù đồng									
- Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động)	186	214	170	210	142	278	194	242	321
- Tập huấn cho giáo viên chương trình GDPT mới									
Thực hiện Nghị quyết quy định chế độ thưởng, hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Quảng Ninh và một số chính sách ưu đãi đối với Trường trung học phổ thông Chuyên Hạ Long từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 (Nghị quyết 63/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)									
- Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới									
- Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ		932							

NỘI DUNG	Trường THPT Tiên Yên	Trường PT DTNT THCS & THPT Tiên Yên	Trường THPT Ba Chẽ	Trường THPT Bình Liêu	Trường THPT Cô Tô	Trường THCS & THPT Hoành Mô	Trường THCS & THPT Quan Lạn	Trường THCS & THPT Quảng La	Trường THPT Hải Đảo
1.3 Chi đảm bảo xã hội									
- Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025									
- Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)									
- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ninh)									
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	139	170	133	163	124	188	145	148	224